

Số/No.: 01/2025/TTr-VNG

Ngày 03 tháng 12 năm 2025

3rd December 2025

TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2025

(theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản)

V/v: Điều chỉnh một số nội dung liên quan đến Kế hoạch thực hiện chương trình ESOP năm 2025 và việc ủy quyền triển khai cho Hội Đồng Quản Trị

PROPOSAL

TO EXTRAORDINARY GENERAL SHAREHOLDERS MEETING 2025

(in form of collecting shareholders' written opinions)

Re.: Adjustment of specific contents in relation to 2025 Plan on implementation of the ESOP and authorization to the Board of Directors

Kính gửi: Quý Cổ đông Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn VNG (“Công Ty”)

To: Shareholders of VNG Group JSC (“The Company”)

Tại Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 21/6/2025, Đại Hội Đồng Cổ Đông (“ĐHĐCĐ”) đã thông qua Tờ trình 07/2025/TTr-VNG (“Tờ trình 07/2025”) về Kế hoạch thực hiện chương trình ESOP năm 2025 và việc ủy quyền triển khai cho Hội Đồng Quản Trị (“HĐQT”).

At the Annual General Meeting of Shareholders held on June 21, 2025, the General Shareholders Meeting (“GMS”) approved the Proposal No.07/2025/TTr-VNG (“Proposal 07/2025”) regarding the 2025 ESOP Implementation Plan and authorization to the Board of Directors (“BOD”).

Tuy nhiên, ngày 11/9/2025, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 245/2025/NĐ-CP, sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán. Theo đó, để đáp ứng các quy định mới của Nghị Định 245/2025/NĐ-CP, HĐQT kính trình ĐHĐCĐ thông qua việc điều chỉnh Kế hoạch phát hành cổ phiếu cho Người lao động năm 2025 theo Chương trình ESOP (“Kế hoạch ESOP 2025”) đã được phê duyệt tại Tờ trình 07/2025 với chi tiết như sau:

However, on 11 September 2025, the Government promulgated Decree No. 245/2025/NĐ-CP amending and supplementing certain articles of Decree No. 155/2020/NĐ-CP, which provides detailed regulations for the implementation of certain provisions of the Law on Securities. Accordingly, in order to comply with the new regulations under Decree No. 245/2025/NĐ-CP, the BOD respectfully submits to the GMS for approval the adjustment of the 2025 ESOP Plan (“2025 ESOP Plan”) as approved under Proposal 07/2025, with details as follows:

A. Bổ sung nội dung về “Nguyên tắc số cổ phiếu được phân phối cho từng người lao động” vào Mục 2.1 của Tờ trình số 07/2025 như sau:

Adding “Principles for determining the number of shares to be allocated to each employee” in Section 2.1 of the Proposal 07/2025 as follows:

I. Nguyên tắc số cổ phiếu được phân phối cho từng người lao động:

Principles for determining the number of shares to be allocated:

1. Phân bổ cho Ban lãnh đạo/ Allocation to Leadership:



Thành viên Ban Tổng Giám đốc được phân bổ cổ phiếu ESOP theo bảng sau:
Members of the Senior Management Team are allocated with ESOP shares as below:

Phân cấp lãnh đạo/ Leadership ranking	Mức phân bổ/ Allocation amount
Ban Tổng Giám đốc/ Senior Management Team	5.000 – 25.000

Tổng số lượng cổ phiếu phân phối cho các vị trí trong Ban Tổng Giám đốc là 95.762 cổ phiếu.
Total number of shares allocated for the members of the Senior Management Team is 95,762 shares.

2. Phân bổ theo Hệ số/ Allocation by Index:

Việc phân bổ cổ phiếu cho nhân viên được tính toán và cân nhắc trên cơ sở bám sát Nguyên tắc chi trả của Công Ty. Theo đó, mức phân bổ cá nhân có sự kết nối chặt chẽ giữa Thành tích của Bộ phận/Phòng ban mà cá nhân đang phục vụ với khung phân bổ theo Cấp bậc và các yếu tố khác biệt cụ thể của từng Cá nhân.

ESOP allocation to individual Employees is considered and calculated in line with the Pay Philosophy of the Company. Accordingly, it is the tight alignment between Performance Result of Business Unit/Department that the Employees are head counted, and the bonus applied to Level framework, and the specific evaluation of each Individuals.

Số cổ phiếu được phân bổ theo Hệ số = Hạn mức phân bổ theo Thành tích Bộ phận x Hệ số phân bổ theo Cấp bậc x Hệ số cân bằng Cá nhân.

Allocated Shares by Index = Allocation Limit by Business Performance x Allocation Index by Level x Allocation Index by Individual balance.

Trong đó/ In which:

- a) **Hạn mức phân bổ theo Thành tích Bộ phận:** Được Ban Tổng Giám Đốc đề xuất phân bổ cho từng Bộ phận dựa trên đánh giá Kết quả thực hiện công việc trong năm 2024 (“hoàn thành KPI”), mức độ đóng góp và mức độ trọng yếu của Bộ phận.
Allocation Index by Business Performance: Senior Management Team (“SMT”) will determine the Index based on 2024 Performance Result (“KPI completion”), the contribution and impact of each Business Unit (“BU”).

Bảng phân bổ chi tiết như sau/*Details as below table:*

STT Ref.	Phòng ban/Bộ phận Business Units/Department	Hạn mức phân bổ theo Thành tích Bộ phận Allocation limit index by Business Performance
1	VNGGames	300
2	Zalo	400
3	ZPS	300
4	DB	300
5	PY	300

6	TSE	300
7	DC	300
8	BO	300

Ghi chú/Notes:

- VNGGames: Bộ phận phát hành game mua bản quyền;
VNGGames: BU for publishing of licensing games;
- Zalo: Bộ phận phát triển và vận hành hệ sinh thái Zalo;
Zalo: BU for development and operations of Zalo ecosystem;
- ZPS: Bộ phận phát triển và vận hành game tự phát triển;
ZPS: BU for publishing of self-developed games;
- DB (Digital Business): Bộ phận vận hành các sản phẩm chuyển đổi số;
DB: BU for developing and commercialization of digital business;
- PY (Payment): Bộ phận vận hành ví điện tử Zalopay;
PY: BU for development and operations of Zalopay product;
- TSE: Bộ phận Dịch vụ Kỹ thuật;
TSE: BU for providing technical services;
- DC (Data Center): Bộ phận vận hành trung tâm dữ liệu;
DC: BU for operation of Data Center;
- BO (Business support) – Khối các phòng ban hỗ trợ kinh doanh.
BO: BU for providing business operations to Business Units.

- b) **Hệ số phân bổ theo Cấp bậc:** Trưởng Bộ phận đề xuất phân bổ theo hệ thống Cấp bậc của từng cá nhân trong phạm vi Ngân sách được duyệt của Bộ phận.
Allocation Index by Level: BU Head will determine the allocation by level of each Employees within the approved budget of BU.

Phòng ban/Bộ phận BU/Dept	Hệ số cấp bậc (Allocation Index by Level)			
	Cấp 2 Level 2	Cấp 3 Level 3	Cấp 4 Level 4	Cấp 5 Level 5
VNGGames	120%	300%	300%	1.200%
Zalo	100%	200%	400%	1.200%
ZPS	100%	150%	350%	800%
DB	100%	100%	300%	500%
PY	100%	150%	400%	2.500%
TSE	100%	170%	270%	500%
DC	100%	110%	120%	500%
BO	100%	150%	270%	500%

- c) **Hệ số cân bằng Cá nhân:** Trưởng Phòng đề xuất phân bổ theo đánh giá Gói Thu Nhập hiện tại, Tiềm năng phát triển và Thâm niên công tác của từng cá nhân.
Allocation Index by Individual Balance: Department Head will determine for each individual Employee based on their current compensation package balance, growth potential and working seniority.

Nhóm Group	Tiêu chí đánh giá Criteria			Hệ số cân bằng Cá nhân Allocation
	Mức độ cân bằng gói thu	Tiềm năng phát triển	Thâm niên công tác	

	nhập <i>Balance of compensation package</i>	<i>Growth potential</i>	<i>Working seniority</i>	<i>Index by Individual Balance</i>
Nhóm 1 <i>Group 1</i>	Cao <i>High</i>	Cao <i>High</i>	Từ trên 10 năm <i>From year 10th</i>	200% - 300%
Nhóm 2 <i>Group 2</i>	Trung bình cao <i>Rather high</i>	Trung bình <i>Medium</i>	Từ trên 7 năm <i>From year 7th</i>	150% - 200%
Nhóm 3 <i>Group 3</i>	Trung bình <i>Medium</i>	Thấp <i>Low</i>	Trên 5 năm <i>From year 5th</i>	100% - 150%
Nhóm 4 <i>Group 4</i>	Trung bình thấp <i>Rather Low</i>	Không xác định <i>Not clear</i>	Dưới 5 năm <i>Below year 5th</i>	50% - 100%
Nhóm 5 <i>Group 5</i>	Thấp <i>Low</i>	Không xác định <i>Not clear</i>	Dưới 5 năm <i>Below year 5th</i>	<50%

3. Phân bổ theo Dự án/ *Allocation by Project:*

Ngoài số cổ phiếu ESOP được phân bổ theo Mục 1 và Mục 2 ở trên, Người Lao Động nếu có đóng góp quan trọng vào các Dự án của Công Ty sẽ được phân bổ thêm cổ phiếu ESOP theo bảng sau:

In addition to allocation per Item 1 and 2 as above, Employees who have significant contributions to Company projects may receive ESOP allocation as below:

Loại dự án <i>Project grouping</i>	Tiêu chí đánh giá <i>Criteria</i>	Số cổ phiếu Người Lao Động được phân bổ <i>The number of shares allocated to the Employee</i>
Dự án đặc biệt <i>Special project</i>	- Người Lao Động có sáng kiến, đóng góp quan trọng quyết định sự thành công của dự án ảnh hưởng/thay đổi chiến lược kinh doanh của Tập đoàn; <i>Employee who has outstanding initiatives and/or contributions to the success of the projects with effects to business strategy of the Group;</i> - Người Lao Động có sáng kiến, đóng góp tiết kiệm chi phí hoặc thu lợi cho Công Ty từ 500.000 USD trở lên. <i>Employee who has outstanding initiatives and/or contributions to save cost or benefit to the Company with value from 500,000 USD.</i>	8.000 – 40.000
Dự án loại 1 <i>Project level 1</i>	- Người Lao Động tham gia dự án cải tiến sản phẩm/dịch vụ hoặc quy trình/hệ thống liên quan đến các Bộ phận trong cùng Tập đoàn; <i>Employees participated into projects to</i>	3.000 – 8.000

	<i>improve products/services or processes/systems of crossed Business Units;</i> - Dự án có kết quả đánh giá đạt cả về chất lượng và tiến độ; <i>Projects were successfully completed with good rating on quality and progress;</i> - Người Lao Động được bầu chọn có thành tích xuất sắc hoặc có đóng góp quan trọng đến sự thành công của dự án. <i>Employees were appraised for outstanding performance and contribution to the success of the projects.</i>	
Dự án loại 2 Project level 2	- Người Lao Động tham gia dự án cải tiến sản phẩm/dịch vụ hoặc quy trình/hệ thống liên quan đến các Phòng ban trong cùng Bộ phận; <i>Employees participated into projects to improve products/services or processes/systems within Business Unit;</i> - Dự án có kết quả đánh giá đạt cả về chất lượng và tiến độ; <i>Projects were successfully completed with good rating on quality and progress;</i> - Người Lao Động được bầu chọn có thành tích xuất sắc hoặc có đóng góp quan trọng đến sự thành công của dự án. <i>Employees were appraised for outstanding performance and contribution to the success of the projects.</i>	1.000 – 3.000
Dự án loại 3 Project level 3	- Người Lao Động tham gia dự án góp phần cải tiến sản phẩm/dịch vụ hoặc quy trình/hệ thống trong nội bộ Phòng ban; <i>Employees participated into projects to improve products/services or processes/systems within Department;</i> - Dự án có kết quả đánh giá đạt cả về chất lượng và tiến; <i>Projects were successfully completed with good rating on quality and progress;</i> - Người Lao Động được bầu chọn có thành tích xuất sắc hoặc có đóng góp quan trọng đến sự thành công của dự án. <i>Employees were appraised for outstanding performance and contribution to the success of the projects.</i>	200 – 1.000

4. Phân bổ theo Hoạt động phong trào/ Allocation by events promoting Company culture:

Ngoài số cổ phiếu ESOP được phân bổ theo Mục 1, Mục 2 và Mục 3 ở trên, Người Lao

Động nêu tham gia tích cực vào các hoạt động phong trào xây dựng văn hóa Công Ty được phân bổ thêm cổ phiếu ESOP với mức tối đa 250 cổ phiếu.

Apart from ESOP allocation per Item 1, 2, and 3 as above, Employees who participated into events promoting the Company culture, may be granted with encouraged ESOP up to 250 shares.

II. Công thức tính cổ phiếu ESOP của từng Người Lao Động được phân bổ: **Formula to calculate total ESOP Allocation to each Individual Employee:**

Trên cơ sở các nguyên tắc nêu trên, số cổ phiếu được quyền mua của từng Người Lao Động được xác định theo công thức sau (làm tròn): **Tổng số cổ phiếu Người Lao Động được phân bổ = Số cổ phiếu được phân bổ cho Ban lãnh đạo (nếu có) + Số cổ phiếu được phân bổ theo Hệ số + Số cổ phiếu được phân bổ theo Dự án (nếu có) + Số cổ phiếu được phân bổ theo Hoạt động phong trào (nếu có).**

*With reference to the above principles, acquired shares of each Employee are determined by below formula (rounded): **Total ESOP Allocation to each Individual Employee = ESOP allocated by Leadership (if any) + ESOP allocated by Allocation Index + ESOP allocated by Project (if any) + ESOP allocated by Company events (if any).***

Để đảm bảo số lượng cổ phiếu phát hành không vượt quá lượng cổ phiếu được phép phát hành, số lượng cổ phiếu ESOP của từng Người Lao Động được phân bổ sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị.

To ensure that the total number of issued shares does not exceed the authorized amount, the number of ESOP shares allocated to each Employee will be rounded down to the nearest whole unit.

Số cổ phiếu lẻ còn lại sau khi làm tròn (nếu có) sẽ được phân phối cho Người Lao Động có hệ số cân bằng cá nhân cao nhất.

The odd number after rounding (if any) will be allocated to Employees with highest Allocation Index by Individual Balance.

B. Sửa đổi nội dung “Ủy quyền thực hiện” được nêu tại Mục 2.2 của Tờ trình 07/2025 như sau:

Adjusting the “Authorization for implementation” as set out in Section 2.2 of the Proposal 07/2025 as follows:

Ủy quyền thực hiện:

Authorization for implementation:

ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT xác định và quyết định các nội dung cụ thể dưới đây của Kế hoạch ESOP 2025:

The GMS authorizes the BOD to determine and decide the following contents of the 2025 ESOP Plan:

- a) Danh sách Người Lao Động được tham gia Kế hoạch ESOP 2025;
List of eligible employees to participate in the 2025 ESOP Plan;
- b) Phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu tuân thủ quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa trong trường hợp phát hành cổ phiếu cho người lao động;

The plan is to ensure the issuance of shares to meet the regulations on foreign ownership limit of the Company in the case of ESOP shares issuance;

- c) Số lượng cổ phiếu phát hành thực tế năm 2025 có thể điều chỉnh theo quyết định của HĐQT nhưng không được vượt quá số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành được nêu tại Mục 2.1 ở trên và luôn phải bảo đảm tuân thủ tổng số cổ phiếu phát hành theo Chương trình ESOP trong mỗi 12 tháng không được vượt quá 5% số cổ phiếu đang lưu hành của Công Ty theo quy định pháp luật;
The actual number of shares to be issued under the 2025 ESOP Plan may be adjusted based on a resolution of the Board of Directors. However, such number must not exceed the maximum number of shares proposed for issuance as specified in Section 2.1 above. In all cases, the total number of shares issued under the ESOP Program within any rolling 12-month period must comply with applicable laws and shall not exceed 5% of the Company's total outstanding shares at the relevant time;
- d) Việc tăng vốn điều lệ của Công Ty tương ứng với số cổ phiếu phát hành theo Kế hoạch ESOP 2025;
The increase in charter capital of the Company equivalent to the number of shares to be issued under the 2025 ESOP Plan;
- e) Phương án xử lý số cổ phiếu chào bán không hết;
Plan for solving the un-exercised shares;
- f) Thực hiện các thủ tục cần thiết để đăng ký phát hành cổ phiếu theo Kế hoạch ESOP 2025 cho Người Lao Động theo kế hoạch đã được ĐHDCĐ phê duyệt với Ủy Ban chứng khoán nhà nước (“UBCKNN”); bổ sung hoặc sửa đổi phương án theo yêu cầu của UBCKNN hoặc cho mục đích tuân thủ các quy định của pháp luật liên quan (nếu có); Quyết định thời điểm phát hành cụ thể;
Perform the necessary procedures and steps to register share issuance under the 2025 ESOP Plan to the employees as approved by the GMS with the State of Security Commission (“SSC”); supplement and amend the plan as requested by SSC or for the purpose of compliance with the applicable laws (if any); Determination of the specific timing of the share issuance;
- g) Thực hiện các thủ tục cần thiết để báo cáo kết quả phát hành với UBCKNN;
Perform the necessary procedures to report the issuance results to the SSC;
- h) Thực hiện các thủ tục cần thiết để đăng ký chứng khoán bổ sung với toàn bộ số cổ phiếu phát hành theo Kế hoạch ESOP 2025 với Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;
Perform the necessary procedures and steps to register additional shares for all the shares issued under the 2025 ESOP Plan with Vietnam securities depository and clearing corporation;
- i) Thực hiện các thủ tục cần thiết để đăng ký giao dịch bổ sung số cổ phiếu phát hành theo Kế hoạch ESOP 2025 với Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội;
Perform the necessary procedures and steps to register trading for the additional share issued under the 2025 ESOP Plan with Hanoi Stock Exchange;

- j) Sửa đổi Điều Lệ Công Ty để cập nhật Vốn điều lệ, cổ phần, cổ phiếu do việc phát hành cổ phiếu ESOP năm 2025;
Amend the Company's Charter to reflect the new charter capital, and number of shares due to the issuance of ESOP shares in 2025;
- k) Thực hiện thủ tục tăng vốn điều lệ với Cơ quan đăng ký kinh doanh Thành phố Hồ Chí Minh tương ứng với đợt phát hành cổ phiếu ESOP theo kế hoạch được phê duyệt;
Register the increase of the charter capital with Ho Chi Minh enterprise registration according to the issuance of ESOP shares as approved plan;
- l) Thực hiện giải tỏa số lượng cổ phiếu ESOP phát hành theo Kế hoạch ESOP 2025 sau khi hết thời hạn hạn chế chuyển nhượng;
Release the ESOP shares issued under the 2025 ESOP Plan after the expiry of the transfer restriction period;
- m) Quyết định các vấn đề phát sinh khác có liên quan đến việc phát hành cổ phiếu theo Kế hoạch ESOP 2025;
Decide other arising issues related to the annual issuance of shares under the 2025 ESOP Plan;
- n) Phù hợp với phạm vi ủy quyền tại Điều này, HĐQT được ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT và/hoặc Tổng giám đốc tiến hành các công việc cụ thể để thực hiện Kế hoạch ESOP 2025, và ký hồ sơ và các tài liệu cần thiết để nộp cho cơ quan chức năng liên quan đến các thủ tục thực hiện.
In the scope of authorization under this Section, the BOD can authorize the Chairman of the BOD or/and the Chief Executive Officer to conduct the specific workstreams of the 2025 ESOP Plan and sign the documents and dossiers submit to the relevant regulators in connection with the regulatory procedures.

[Phần còn lại của trang này được bỏ trống. Phần chữ ký ở trang tiếp theo]
[The remainder of this page is left blank intentionally / Signature page follows]

Trân trọng,
Respectfully yours,

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
ON BEHALF OF THE BOARD OF DIRECTORS
CHỦ TỊCH
CHAIRMAN



Số/No.: 02/2025/TTr –VNG
Ngày 03 tháng 12 năm 2025
3rd December 2025

TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2025
(theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản)
V/v: Thông qua việc quy định tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công Ty

PROPOSAL
TO EXTRAORDINARY GENERAL SHAREHOLDERS MEETING 2025
(in form of collecting shareholders' written opinions)
Re.: Approving the maximum foreign ownership limit of the Company

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty cổ phần Tập Đoàn VNG (“Công Ty”)
To: Shareholders of VNG Group JSC (the “Company”)

Tại Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 21/6/2025, Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) đã thông qua Tờ trình số 08/2025/TTr-VNG (“Tờ trình 08/2025”) về việc quy định tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công Ty. Theo đó, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa được điều chỉnh từ 47,93% xuống còn 47,26%.

At the Annual General Meeting of Shareholders held on June 21, 2025, the General Shareholders Meeting (“GMS”) approved the Proposal No. 08/2025/TTr-VNG (“Proposal 08/2025”) regarding the approval of the Company’s maximum foreign ownership limit. Accordingly, the maximum foreign ownership limit was adjusted from 47.93% to 47.26%.

Tuy nhiên, ngày 11/9/2025, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 245/2025/NĐ-CP, sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán. Theo quy định mới, các công ty đại chúng không còn được phép điều chỉnh tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa xuống thấp hơn mức đã công bố tại thời điểm gần nhất.

However, on September 11, 2025, the Government issued Decree No. 245/2025/ND-CP, amending and supplementing certain articles of Decree No. 155/2020/ND-CP guiding the implementation of the Law on Securities. Under this new regulation, public companies are no longer permitted to reduce their maximum foreign ownership limit below the level previously announced.

Do đó, để đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật hiện hành, Hội đồng Quản trị (“HĐQT”) kính trình ĐHĐCĐ xem xét, thông qua việc điều chỉnh tăng tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty như chi tiết nêu dưới đây.

Therefore, in order to ensure compliance with the new legal requirements, the Board of Directors (“BOD”) respectfully submits to the GMS for consideration and approval the increase of the Company’s maximum foreign ownership limit, as detailed below.



Quy định tỷ lệ sở hữu nước : Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công Ty là **49%** ngoài tối đa

Maximum foreign ownership : The Company's foreign ownership limit will be 49% limit

Ủy quyền thực hiện
Authorization for execution

ĐHĐCĐ ủy quyền cho Người đại diện pháp luật của Công Ty:
The GMS authorizes the Legal representative of the Company to:

- (i) quyết định nội dung hồ sơ, tài liệu nộp lên các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nhằm đăng ký tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công Ty;
decide the contents of dossiers and documents submitted to competent authorities in respect of registration of the Company's foreign ownership limit;
- (ii) thực hiện các công việc, thủ tục cần thiết khác để triển khai nội dung đã được ĐHĐCĐ chấp thuận theo Tờ trình này.
perform the necessary steps and procedures to execute the matters which have been approved by the GMS in accordance with this Proposal.

[Phần còn lại của trang này được bỏ trống. Phần chữ ký ở trang tiếp theo]
[The remainder of this page is left blank intentionally / Signature page follows]

Trân trọng,
Respectfully yours,

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
ON BEHALF OF THE BOARD OF DIRECTORS
CHỦ TỊCH/ CHAIRMAN



Số/No.: 03/2025/TTr-VNG
Ngày 03 tháng 12 năm 2025
3rd December 2025

TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2025
(theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản)
V/v: Thông qua việc điều chỉnh ngành nghề kinh doanh và cập nhật Điều lệ tương ứng

PROPOSAL
TO THE EXTRAORDINARY GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS 2025
(in form of collecting shareholders' written opinions)
Re.: Approving of adjustment of business lines and corresponding amendment to the Charter

Kính gửi: **Quý Cổ đông Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn VNG (“Công Ty”)**,
To: Shareholders of VNG Group JSC (the “Company”),

Ngày 29/9/2025, Thủ tướng Chính phủ đã ký ban hành Quyết định 36/2025/QĐ-TTg về việc Ban hành Hệ thống Ngành kinh tế Việt Nam (“**Quyết Định 36**”), cập nhật, thay thế cho Quyết định 27/2018/QĐ-TTg. Quyết Định 36 đã cập nhật, điều chỉnh và bổ sung mã ngành, đồng thời thay đổi chi tiết mô tả của một số ngành, lĩnh vực kinh tế, nhằm phù hợp hơn với tình hình phát triển kinh tế – xã hội và yêu cầu quản lý nhà nước hiện hành. Trên cơ sở đó, Công Ty cần tiến hành rà soát toàn bộ danh mục ngành nghề đăng ký kinh doanh, đối chiếu với quy định mới tại Quyết định 36 và thực hiện cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp theo quy định để bảo đảm tính đầy đủ, chính xác và thống nhất.

*On September 29, 2025, the Prime Minister issued Decision No. 36/2025/QĐ-TTg on the promulgation Vietnam Standard Industrial Classification (“**Decision 36**”), which updates and replaces Decision No. 27/2018/QĐ-TTg. Decision 36 revises, amends, and supplements the system of industry codes and descriptions of certain economic sectors to better reflect the current socio-economic development context and regulatory management requirements. Accordingly, the Company is required to conduct a comprehensive review of its registered business lines, compare them against the new provisions under Decision 36, and proceed with updating its enterprise registration information in compliance with applicable regulations to ensure completeness, accuracy, and consistency.*

Đồng thời, nhằm triển khai các kế hoạch phát triển kinh doanh trong thời gian tới, Công Ty cần xem xét, điều chỉnh và bổ sung danh mục ngành nghề đăng ký kinh doanh của Công Ty để tuân thủ các quy định của pháp luật và phù hợp với định hướng phát triển của Công Ty trong giai đoạn tiếp theo.

In addition, to ensure the implementation of the Company’s forthcoming business development strategies, the Company is required to review, amend, and supplement its registered business lines as necessary. This process is intended to ensure full compliance with prevailing legal and regulatory requirements, while maintaining alignment with the Company’s strategic development orientation and long-term operational objectives in the subsequent phase.



Do đó, Hội Đồng Quản Trị (“**HDQT**”) kính trình Đại Hội Đồng Cổ Đông (“**ĐHĐCĐ**”) xem xét và thông qua các vấn đề sau:

*Therefore, the Board of Directors (“**BOD**”) hereby respectfully submits to the General Meeting of Shareholders (“**GMS**”) for consideration and approval the following matters:*

1. Cập nhật danh mục ngành nghề đăng ký kinh doanh để bảo đảm phù hợp với Quyết Định 36 và bổ sung các ngành nghề mới theo nhu cầu và định hướng phát triển của Công Ty (chi tiết như đính dự thảo kèm Tờ trình).
Updating the list of registered business lines to ensure compliance with Decision No. 36 and adding new business lines in line with the Company’s development plan (details as the draft attached).

2. Cập nhật các nội dung thay đổi nêu trên tương ứng tại Điều lệ hoặc Phụ lục sửa đổi Điều lệ của Công Ty.
Reflecting the aforesaid changes correspondingly in the Company’s Charter or in the amended Annex to the Charter.

3. Ủy quyền thực hiện/ *Authorization for execution*

ĐHĐCĐ ủy quyền cho Người đại diện pháp luật của Công Ty tiến hành các công việc, thủ tục cần thiết để triển khai nội dung đã được ĐHĐCĐ chấp thuận bao gồm nhưng không giới hạn:

The GMS hereby resolves to authorize the Company’s Legal representative to undertake all necessary tasks and procedures to implement the content approved by the GMS, including but not limited to:

- (i) ký toàn bộ tài liệu liên quan để trình nộp cơ quan đăng ký kinh doanh;
executing all relevant documents for submission to the business registration authority;
- (ii) trong phạm vi các nhóm ngành nghề và nội dung điều chỉnh đã được ĐHĐCĐ thông qua, chủ động rà soát, bổ sung và chỉnh sửa chi tiết Danh mục ngành nghề đăng ký kinh doanh của Tờ Trình và/hoặc hồ sơ nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhằm đáp ứng yêu cầu cụ thể của cơ quan chức năng, đồng thời bảo đảm tuân thủ phạm vi chấp thuận đã được ĐHĐCĐ thông qua; và
within the scope of the business sectors approved by the GMS, proactively review, amend, and supplement the details of its registered business lines as set out in the Proposal and/or the application dossier submitted to the competent state authority. This is to ensure full compliance with specific requirements raised by regulatory agencies, while strictly adhering to the scope of approval granted by the GMS; and
- (iii) ký ban hành bản Điều Lệ hoặc Phụ lục cập nhật Điều Lệ tương ứng.
signing and issuing the updated Charter or the relevant Annex to the Charter.

[Phần còn lại của trang này được bỏ trống. Phần chữ ký ở trang tiếp theo]
[The remainder of this page is left blank intentionally. Signature page follows]

Trân trọng,
Respectfully yours,

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
ON BEHALF OF THE BOARD OF DIRECTORS
CHỦ TỊCH/ CHAIRMAN



LÊ HỒNG MINH

DANH MỤC NGÀNH NGHỀ ĐĂNG KÝ KINH DOANH ĐIỀU CHỈNH CỦA CÔNG TY
LIST OF AMENDED BUSINESS LINES REGISTRATION OF THE COMPANY

Lưu ý/Note:

- Các thay đổi được **tô đậm**/Changes are in **bold**.
- Các mã ngành đánh dấu (**) là các mã ngành đã được ĐHĐCĐ thường niên 2025 chấp thuận bổ sung/điều chỉnh và đang trong quá trình đăng ký với Sở Tài Chính TP. Hồ Chí Minh.

*Business lines marked (**) are approved for addition/amendment by the 2025 AGM and is currently in the process of registration with the Ho Chi Minh City Department of Finance.*

STT No.	Ngành nghề hiện tại <i>Current business lines</i>	Mã ngành theo VSIC ¹ <i>Code under VSIC²</i>	Ngành nghề sau khi cập nhật/bổ sung <i>Business lines updated/supplemented</i>	Mã ngành theo VSIC <i>Code under VSIC</i>	Ghi chú <i>Note</i>
1	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính <i>Computer consultancy and system administration (CPC 849)</i>	6202	Tư vấn máy tính và quản lý cơ sở hạ tầng máy tính <i>Computer consultancy and computer infrastructure administration (CPC 849)</i>	6220	Thay đổi mã ngành và tên ngành <i>Change the code and business lines</i>
2	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (trừ đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng	6810	N/A	N/A	Không thay đổi <i>No change</i>

¹ VSIC: Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam.

² VSIC: Economic line system in Vietnam.

	đất gắn với hạ tầng) Chi tiết: Kinh doanh bất động sản. <i>Real estate activities with owned or leased property</i> <i>Details: Real estate business.</i> <i>(Except for the construction of cemetery infrastructure to transfer land use rights associated with infrastructure)</i>				
3	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan (**) Chi tiết: dịch vụ truy cập dữ liệu và thông tin trên mạng, dịch vụ xử lý dữ liệu và thông tin trên mạng. Xây dựng cơ sở dữ liệu, lưu trữ cơ sở dữ liệu, khai thác cơ sở dữ liệu. (CPC 843); và dịch vụ thiết kế, tạo không gian và thời gian quảng cáo trên internet. (trừ các hoạt động liên quan đến an ninh, hoạt động báo chí và hoạt động thu thập tin tức dưới mọi hình thức) <i>Data processing, hosting and related activities</i> <i>Details: services for accessing data and information on the network, services for processing data and information on the network. Database building, database storage, database mining. (CPC 843), and services for the design and provision of</i>	6311	Cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, xử lý dữ liệu, <i>lưu trữ</i> và các hoạt động liên quan Chi tiết: dịch vụ truy cập dữ liệu và thông tin trên mạng, dịch vụ xử lý dữ liệu và thông tin trên mạng. Xây dựng cơ sở dữ liệu, lưu trữ cơ sở dữ liệu, khai thác cơ sở dữ liệu. (CPC 843); và dịch vụ thiết kế, tạo không gian và thời gian quảng cáo trên internet. (trừ các hoạt động liên quan đến an ninh, hoạt động báo chí và hoạt động thu thập tin tức dưới mọi hình thức) Information technology infrastructure, data processing, storage, and related activities <i>Details: services for accessing data and information on the network, services for processing data and information on the</i>	6310	Thay đổi mã ngành, tên ngành và chi tiết <i>Change the code, business lines and details</i>

	<i>advertising space and time on the Internet. (Except for activities related to security, press activities and news gathering in any form)</i>		<i>network. Database building, database storage, database mining. (CPC 843), and services for the design and provision of advertising space and time on the Internet. (Except for activities related to security, press activities and news gathering in any form)</i>		
4	Hoạt động viễn thông khác (**) Chi tiết: - Đại lý cung cấp dịch vụ internet. - Cung cấp dịch vụ truy nhập internet (ISP). - Cung cấp dịch vụ ứng dụng internet trong bưu chính, viễn thông (OSP bưu chính, OSP viễn thông) (trừ bán lại hạ tầng viễn thông, mạng cung cấp). - Cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động. - Dịch vụ điện toán đám mây. - Dịch vụ nội dung thông tin số. - Dịch vụ viễn thông cộng thêm của dịch vụ viễn thông cơ bản trên Internet. (Dịch vụ truy cập Internet IAS, không có hạ tầng mạng) (trừ các hoạt động liên quan đến an ninh, hoạt động báo chí và hoạt động thu thập tin tức dưới mọi hình thức)	6190	N/A	N/A	Không thay đổi <i>No change</i>

	<i>Other telecommunications activities</i> <i>Details:</i> - <i>Internet services provider agent.</i> - <i>Providing Internet access service (ISP)</i> - <i>Providing service of internet applied in post and telecommunication (OSP Post, OSP telecommunication) (except: reselling telecommunications infrastructure, network supply)</i> - <i>Provision of information content services on mobile telecommunications networks.</i> - <i>Cloud computing services.</i> - <i>Digital information content services.</i> - <i>Value-added telecommunications services to basic telecommunications services on the Internet.</i> <i>(IAS internet access service, without network infrastructure)</i> <i>(Except for activities related to security, press activities and news gathering in any form)</i>				
5	Quảng cáo Chi tiết: Quảng cáo thương mại (CPC 871) <i>(Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quảng cáo thuốc lá và rượu; không được thực hiện hoạt động in ấn và phát hành các ấn phẩm)</i>	7310	N/A	N/A	Không thay đổi <i>No change</i>

	<i>Advertising</i> <i>Details: Commercial advertising (CPC 871)</i> <i>(Foreign-invested economic organizations are not allowed to advertise tobacco and alcohol; they are not allowed to carry out printing and publishing activities)</i>				
6	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Kinh doanh trò chơi điện tử.- Cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng (trừ hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài và kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng trên mạng) (CPC 964) <i>Other amusement and recreation activities not elsewhere classified</i> <i>Detail: - Games; - Online game services (except for the business of award-winning video games for foreigners and the online prize-winning video games) (CPC 964)</i>	9329 (Chính)	Hoạt động vui chơi giải trí khác Chi tiết: - Kinh doanh trò chơi điện tử.- Cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng (trừ hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài và kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng trên mạng) (CPC 964) <i>Other amusement and recreation activities</i> <i>Detail: - Games; - Online game services (except for the business of award-winning video games for foreigners and the online prize-winning video games) (CPC 964)</i>		Bỏ cụm từ “chưa được phân vào đâu” <i>Remove the phrase “not elsewhere classified”</i>
7	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Các dịch vụ thông tin qua điện thoại (dịch vụ nhắn tin, dịch vụ PCS - Personal Communication Service) (Dịch vụ viễn thông khác không có hạ tầng mạng)	6399	Hoạt động công tìm kiếm web và các dịch vụ thông tin khác Chi tiết: Các dịch vụ thông tin qua điện thoại (dịch vụ nhắn tin, dịch vụ PCS - Personal Communication Service) (Dịch vụ viễn thông khác không có hạ tầng mạng)	6390	Thay đổi mã ngành và tên ngành <i>Change the code and business lines</i>

	(trừ các hoạt động liên quan đến an ninh, hoạt động báo chí và hoạt động thu thập tin tức dưới mọi hình thức) <i>Other information services n.e.c:</i> <i>Details: Telephone information services (messaging service, PCS service - Personal Communication Service) (Other telecommunications services without network infrastructure)</i> <i>(Except for activities related to security, press activities and news gathering in any form)</i>		(trừ các hoạt động liên quan đến an ninh, hoạt động báo chí và hoạt động thu thập tin tức dưới mọi hình thức) <i>Operation of web search portals and other information services</i> <i>Details: Telephone information services (messaging service, PCS service - Personal Communication Service) (Other telecommunications services without network infrastructure)</i> <i>(Except for activities related to security, press activities and news gathering in any form)</i>		
8	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hoá Chi tiết: đại lý hoa hồng mua bán thẻ điện thoại, thẻ internet, thẻ trò chơi. (CPC 621) (trừ các sản phẩm mà nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định của pháp luật) <i>Agency, intermediary, auction (CPC 621)</i> <i>Details: commission agent buying and selling phone cards, internet cards, and game cards. (CPC 621)</i> <i>(Except for products that foreign investors and foreign-invested economic organizations are not allowed to export,</i>	4610	N/A	N/A	Không thay đổi <i>No change</i>

	<i>import, distribute according to the provisions of law)</i>				
9	Lập trình máy vi tính Chi tiết: sản xuất phần mềm, tư vấn và cung cấp phần mềm (CPC 849) (trừ các sản phẩm mà nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định của pháp luật) <i>Computer Programming</i> <i>Details: Computer programming Software production, consulting and supplying software (CPC 849)</i> <i>(Except for products that foreign investors and foreign-invested economic organizations are not allowed to export, import, distribute according to the provisions of law)</i>	6201	Phát triển trò chơi điện tử, phần mềm trò chơi điện tử và các công cụ phần mềm trò chơi điện tử <i>Development of video games , video game software, and video game software tools</i>	6211	Điều chỉnh mã ngành để phù hợp theo Quyết Định 36 <i>Amend business codes to comply with Decision 36</i>
10	Lập trình máy tính khác Chi tiết: sản xuất phần mềm, tư vấn và cung cấp phần mềm (CPC 849) (trừ các sản phẩm mà nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định của pháp luật) <i>Other Computer Programming</i> <i>Details: Computer programming Software production, consulting and supplying software (CPC 849)</i> <i>(Except for products that foreign investors and foreign-invested economic organizations are not allowed to export, import, distribute according to the provisions of law)</i>		Lập trình máy tính khác Chi tiết: sản xuất phần mềm, tư vấn và cung cấp phần mềm (CPC 849) (trừ các sản phẩm mà nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định của pháp luật) <i>Other Computer Programming</i> <i>Details: Computer programming Software production, consulting and supplying software (CPC 849)</i> <i>(Except for products that foreign investors and foreign-invested economic organizations are not allowed to export, import, distribute according to the provisions of law)</i>	6219	
11	Cổng thông tin Chi tiết: - Thiết lập mạng xã hội;	6312	Hoạt động các trang mạng xã hội và hoạt động phân phối nội dung khác Chi tiết:	6039	Điều chỉnh mã ngành để phù hợp theo Quyết Định 36

	- Thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp (Trừ hoạt động báo chí); - Dịch vụ thương mại điện tử; - Sàn giao dịch thương mại điện tử. <i>Portal</i> <i>Details:</i> - Establishing social networks; - Establishing news aggregator sites (excluding press activities); - E-commerce trading services; - E-commerce.		- Thiết lập mạng xã hội; - Thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp (Trừ hoạt động báo chí); - Dịch vụ thương mại điện tử; - Sàn giao dịch thương mại điện tử. <i>Social media platform operations and other content distribution activities</i> <i>Details:</i> - Establishing social networks; - Establishing news aggregator sites (excluding press activities); - E-commerce trading services; - E-commerce.		<i>Amend business codes to comply with Decision 36</i>
12	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (**) Chi tiết: Đại lý bán vé máy bay <i>Other supporting service activities related to transportation</i> <i>Details: Activities of airline ticket agencies.</i>	5229	N/A	N/A	Không thay đổi <i>No change</i>
13	Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc (**) <i>Sound recording and music publishing activities</i>	5920	N/A	N/A	Không thay đổi <i>No change</i>
14	Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm (**) Chi tiết: Dịch vụ đại lý bảo hiểm <i>Activities of insurance agents and brokers</i> <i>Details: Insurance agents services</i>	6622	N/A	N/A	Không thay đổi <i>No change</i>

15	Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi (**) Chi tiết: Dịch vụ trực điện thoại (CPC 87903) <i>Call-related service activities</i> <i>Detail: Telephone answering services (CPC 87903)</i>	8220	N/A	N/A	Không thay đổi <i>No change</i>
16			Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển <i>Renting and leasing of other machinery, equipment and tangible goods without operator</i>	7730	Bổ sung <i>Supplement</i>
17			Hoạt động hành chính và hỗ trợ văn phòng <i>Administrative and Office Support Activities</i>	8210	Bổ sung <i>Supplement</i>
18			Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu <i>Other remaining business support service activities n.e.c.</i>	8299	Bổ sung <i>Supplement</i>
19			Hoạt động tư vấn quản lý kinh doanh và hoạt động tư vấn quản lý khác <i>Business management consultancy and other management consulting activities</i>	7020	Bổ sung <i>Supplement</i>